



Empowered lives.
Resilient nations.



TÓM TẮT CHÍNH SÁCH

LỒNG GHÉP CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT TẠI TỈNH HÀ GIANG ĐẾN NĂM 2020

Bản quyền © 2018 của Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE),
Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE)
và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)

Xuất bản bằng Tiếng Việt theo phê duyệt của MONRE và UNDP

Giấy phép xuất bản số: 3030 - 2018/CXBIPH/59 - 66/HĐ ngày 28/8/2018

Nhà xuất bản Hồng Đức

Chịu trách nhiệm xuất bản: Lý Bá Toàn

Nhóm chuyên gia thực hiện:

Nguyễn Đức Hùng
Lê Xuân Cảnh
Hoàng Việt Anh

Chịu trách nhiệm nội dung: TS. Nguyễn Trung Thắng

Biên tập:

TS. Kim Thị Thúy Ngọc
Lê Thị Lệ Quyên
Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Nguyễn Anh Tuấn

Thiết kế:

Công ty TNHH Truyền thông Đa phương tiện Việt

In ấn tại Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG 5

1. Các quy định của pháp luật liên quan đến lồng ghép môi trường trong quy hoạch sử dụng đất 6

2. Hiện trạng suy thoái đất, đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu tại tỉnh Hà Giang 10

 2.1. Suy thoái đất tại tỉnh Hà Giang 10

 2.2. Biến đổi khí hậu tại tỉnh Hà Giang 12

 2.3. Xu hướng diễn biến đa dạng sinh học tỉnh Hà Giang 16

3. Lồng ghép các vấn đề môi trường toàn cầu vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang đến năm 2020 17

 3.1. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang đến năm 2020 17

 3.2. Xu hướng của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh 19

 3.3. Đề xuất, khuyến nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang 19

TÀI LIỆU THAM KHẢO 22

GIỚI THIỆU CHUNG

Dự án “Tăng cường năng lực thực hiện các Công ước Rio” do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) được triển khai từ năm 2015 đến năm 2018. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản, Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường được giao là đơn vị thực hiện Dự án. Mục tiêu của Dự án là góp phần tăng cường năng lực thực hiện các Công ước Rio thông qua việc đề xuất các công cụ quản lý và hỗ trợ việc lồng ghép các vấn đề môi trường toàn cầu trong quá trình lập quy hoạch.

Trong khuôn khổ hoạt động của Dự án, hoạt động “Lồng ghép các vấn đề môi trường toàn cầu vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại tỉnh Hà Giang đến năm 2020” đã được triển khai. Mục tiêu của hoạt động là đưa ra các đề xuất, kiến nghị để lồng ghép vấn đề suy thoái đất, biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang đến năm 2020.

Ban Quản lý Dự án trân trọng giới thiệu với các bên liên quan tóm tắt kết quả của nghiên cứu nêu trên.

CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LỒNG GHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) là một trong những nội dung rất quan trọng của công tác quản lý nhà nước về đất đai, đều đã được Luật Đất đai các năm 1987, 1993, 2003 và 2013 quy định. Một cách tổng quát, QHSDĐ là hệ thống các biện pháp của Nhà nước về tổ chức, quản lý nhằm mục đích sử dụng hiệu quả tối đa tài nguyên đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững trên cơ sở phân bổ quỹ đất vào các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng theo các đơn vị hành chính các cấp, các vùng và cả nước.

Theo Luật Đất đai năm 2013, QHSDĐ là việc phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và từng đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định. Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia QHSDĐ theo thời gian để thực hiện trong kỳ QHSDĐ.

Bên cạnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và ở từng địa phương thì QHSDĐ luôn phải chú ý đến việc khai thác tài nguyên đất đai, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác một cách hợp lý, bền vững, bảo đảm về môi trường. Các vấn đề về bảo vệ môi trường đã được thể hiện trong nội dung QHSDĐ, trình tự các bước lập, điều chỉnh QHSDĐ.

Trong các văn bản quy phạm pháp luật, lồng ghép các vấn đề môi trường vào QHSDĐ đã được thể chế hóa. Luật Đất đai năm 2013 đã có những quy định cụ thể về việc bảo vệ môi trường trong sử dụng



đất, cụ thể: “Sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường...” (Khoản 2 Điều 6); “Khuyến khích đầu tư khai hoang, phục hóa, lấn biển và đưa diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước hoang hoá vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” (Khoản 2 Điều 9); các hành vi “hủy hoại đất đai” được coi là những hành vi bị nghiêm cấm (Khoản 1 Điều 12). Việc triển khai Luật Đất đai vào cuộc sống được thực hiện thông qua quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, theo đó, nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là “khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với BĐKH”. Trong nội dung thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hội đồng thẩm định phải đưa ra các nhận xét về “hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường” của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nếu “do tác động của thiên tai, chiến tranh làm thay đổi mục đích, cơ cấu, vị trí, diện tích sử dụng đất” thì cần phải điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Trong pháp luật về bảo vệ môi trường, các vấn đề môi trường cũng được lồng ghép trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên. Khoản 1 Điều 35 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 đã quy định “Các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học (ĐDSH) phải được điều tra, đánh giá thực trạng, khả năng tái sinh, giá trị kinh tế để làm căn cứ lập quy hoạch sử dụng hợp lý; xác định giới hạn cho phép khai thác, mức thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, bồi hoàn ĐDSH, bồi thường thiệt hại về môi trường, các biện pháp khác để bảo vệ tài nguyên và môi trường”. Như vậy, tài nguyên đất cũng phải tuân thủ theo quy định cụ thể này.

Liên quan đến việc lồng ghép các hoạt động ứng phó với BĐKH, Khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014 nêu rõ “Việc tích hợp nội dung ứng phó với BĐKH trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực phải dựa trên cơ sở đánh giá tác động qua lại giữa các hoạt động của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch với môi trường, BĐKH và xây dựng hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH”.

Liên quan đến bảo vệ môi trường đất, Khoản 1 Điều 59 quy định “Bảo vệ môi trường đất là một trong những nội dung cơ bản của quản lý tài nguyên đất”. Bên cạnh đó, Khoản 2 của điều này quy định cụ thể hơn “Quy hoạch, kế hoạch, dự án và các hoạt động có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất và có giải pháp bảo vệ môi trường đất”.



Nguồn: ISPONRE

Ng nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai đã quy định chỉ tiêu “Đất khu bảo tồn (KBT) thiên nhiên và ĐDSH” trở thành một trong các chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng trong hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất của QHSDĐ cấp tỉnh (Điểm b Khoản 2 Điều 7). Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã quy định cụ thể việc xác định diện tích, cơ cấu sử dụng các loại đất trong hệ thống biểu quy hoạch (biểu 03/CT, biểu 14/CT), quy định mã ký hiệu (KBT) và thể hiện ranh giới vị trí đất KBT thiên nhiên và ĐDSH trên bản đồ trong QHSDĐ cấp tỉnh. Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đã quy định chỉ tiêu “Đất KBT thiên nhiên” và chỉ tiêu “Đất cơ sở bảo tồn ĐDSH” trở thành các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai theo khu vực tổng hợp (Điều 11) và được lập thành biểu riêng (biểu 08/TKĐĐ) trong hệ thống biểu kiểm kê đất đai.



Nguồn: ISPONRE

Việc xác định cụ thể diện tích, vị trí loại đất dành cho bảo tồn ĐDSH trong quá trình thực hiện các quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập QHSDĐ cấp tỉnh (như đã nêu ở trên) không chỉ góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả loại đất này, đáp ứng yêu cầu bảo tồn ĐDSH để phát triển bền vững mà còn từng bước đáp ứng đồng bộ yêu cầu trong công tác quản lý, sử dụng đất và bảo tồn ĐDSH theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật ĐDSH năm 2008. Quy hoạch bảo tồn ĐDSH được quy định từ khi có Luật ĐDSH năm 2008, theo đó gồm các loại hình: Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH của cả nước; Quy hoạch bảo tồn ĐDSH của các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương. Quy hoạch bảo tồn ĐDSH sẽ đề ra phương hướng, mục tiêu bảo tồn ĐDSH, quản lý các mối tác động qua lại giữa con người với ĐDSH (gồm các nguồn gen, các loài và hệ sinh thái) nhằm mang lại lợi ích lớn nhất cho thế hệ hiện tại và duy trì tiềm năng ĐDSH để đáp ứng cho thế hệ tương lai, trong đó có xác định vị trí, diện tích, ranh giới các KBT, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên cũng như các giải pháp tổ chức quản lý.

HIỆN TRẠNG SUY THOÁI ĐẤT, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ DIỄN BIẾN ĐA DẠNG SINH HỌC TẠI TỈNH HÀ GIANG

2.1. Suy thoái đất tại tỉnh Hà Giang

Hà Giang là một tỉnh miền núi phía Bắc có địa hình phức tạp, độ dốc lớn, có tần suất xảy ra các trận trượt, sạt lở đất, các hiện tượng xói mòn lớn hơn so với các tỉnh miền núi khác, dẫn đến suy thoái đất, làm ảnh hưởng đến môi trường toàn tỉnh nói chung, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân và kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hiện tượng thoái hóa đất ở Hà Giang hiện nay chủ yếu do hiện tượng xói mòn, một phần nhỏ do các hiện tượng khô hạn, hoang mạc hóa, kết von, đá ong hóa... gây nên. Trên địa bàn tỉnh chưa thấy xuất hiện sa mạc hóa nhưng hoang mạc hóa thuộc loại hoang mạc đá đã xuất hiện tự nhiên từ lâu thuộc công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn.



Nguồn: ISPONRE



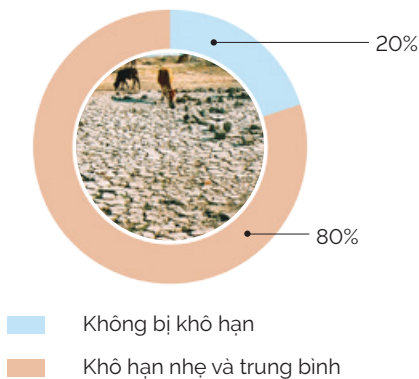
Nguồn: ISPONRE



DIỆN TÍCH THOÁI HÓA ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HÀ GIANG

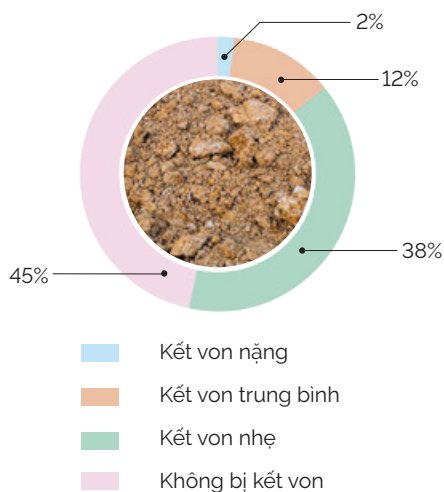
- Không suy thoái
- Suy thoái nhẹ
- Suy thoái trung bình
- Suy thoái nặng

THỰC TRẠNG KHÔ HẠN HOANG MẠC HÓA, SA MẠC HÓA



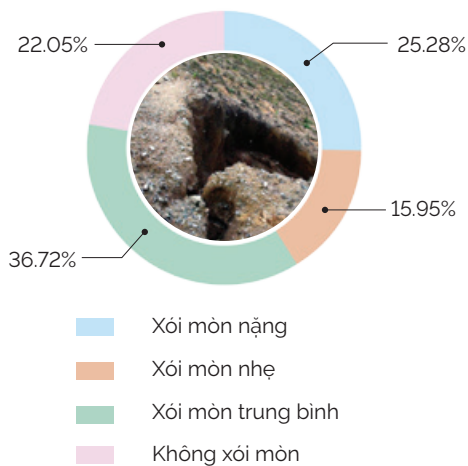
- Không bị khô hạn
- Khô hạn nhẹ và trung bình

ĐẤT BỊ KẾT VON, ĐÁ ONG HÓA



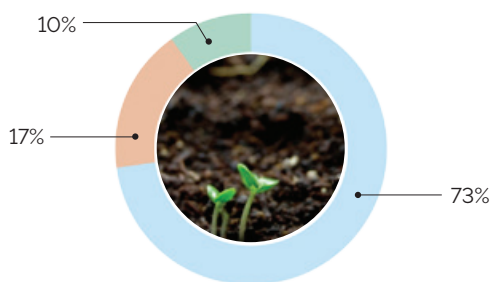
- Kết von nặng
- Kết von trung bình
- Kết von nhẹ
- Không bị kết von

XÓI MÒN ĐẤT



- Xói mòn nặng
- Xói mòn nhẹ
- Xói mòn trung bình
- Không xói mòn

SUY GIẢM ĐỘ PHÌ NHIỀU CỦA ĐẤT



- Suy giảm độ phì nhiêu nhẹ
- Suy giảm độ phì nhiêu trung bình
- Không bị suy giảm

2.2. Biến đổi khí hậu tại tỉnh Hà Giang

2.2.1. Thực trạng các tác động của BĐKH hiện nay: Hiện trạng trượt lở đất đá và lũ quét

Trong những năm qua hiện tượng trượt lở đất đá xảy ra ở nhiều nơi tại Hà Giang, với mật độ khá dày và nhiều mức độ ảnh hưởng khác nhau. Tại Hà Giang đã ghi nhận được 936 điểm trượt ta luy với tổng diện tích các vùng trượt là 14.600 ha và 30 điểm trượt tự nhiên. Về mặt quy mô có 519 điểm trượt nhỏ, 289 điểm trượt trung bình, 150 điểm trượt lớn và 5 điểm trượt rất lớn đến đặc biệt lớn.

Hộp 1: Một số trận lũ quét điển hình tại Hà Giang trong 10 năm gần đây

- Ngày 18/8/2002, trên địa bàn huyện Bắc Quang và Xín Mần, tỉnh Hà Giang đã xảy ra 2 trận lũ quét làm 21 người chết và 8 người bị thương;
- Do mưa lớn của bão số 4 và áp thấp, tại các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Điện Biên, Bắc Kạn đã xảy ra lũ lớn, lũ quét và sạt lở đất trong ngày 6-9/8/2008 làm 153 người chết và mất tích, 113 người bị thương; giao thông bị ách tắc trong nhiều ngày vì sạt lở và ngập lụt sâu, nhiều địa phương bị cô lập do nước lũ. Thiệt hại ước tính cho cả 10 tỉnh khoảng 2.042 tỷ đồng.
- Ngày 20/7/2013, toàn tỉnh Hà Giang đã xảy ra mưa lớn kèm theo lũ quét gây thiệt hại nghiêm trọng tại các huyện Xín Mần, Đồng Văn, Bắc Quang gây sạt lở nghiêm trọng đường quốc lộ từ Hà Giang đi Lào Cai. Thiệt hại ước tính khoảng 16 tỷ đồng.
- Ngày 28-29/7/2016, do ảnh hưởng của bão số 1, trên địa bàn tỉnh Hà Giang nhiều nơi có mưa to làm xảy ra lũ quét tại địa bàn huyện Vị Xuyên làm sạt lở QL4 qua xã Thanh Đức khiến cho giao thông nối 3 xã Thanh Đức, Xín Chải và Lao Chải với bên ngoài bị chia cắt hoàn toàn.



Nguồn: Internet

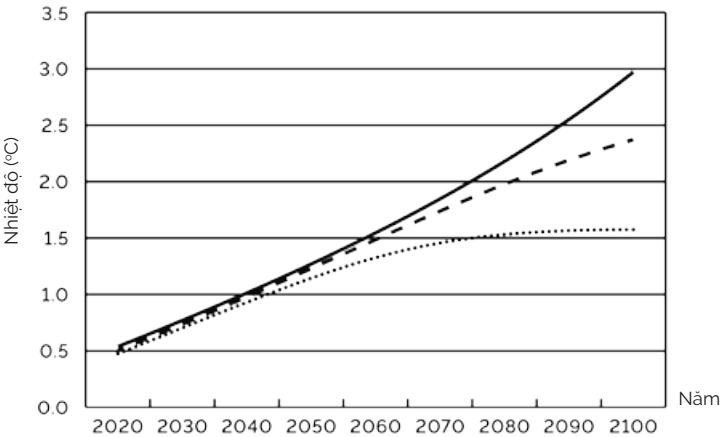
2.2.2. Dự báo diễn biến của biến đổi khí hậu thời gian tới

Kịch bản về BĐKH của tỉnh Hà Giang đã được nghiên cứu, xây dựng về các mặt diễn biến nhiệt độ, lượng mưa theo 3 kịch bản B1, B2 và A2 như dưới đây.

a. Thay đổi về nhiệt độ

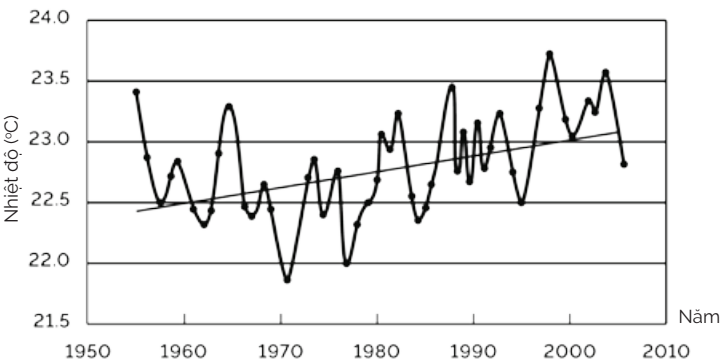
Cả 3 kịch bản đều thể hiện xu hướng tăng nhiệt độ. Tới năm 2099, nhiệt độ trung bình có thể tăng 2,5°C với kịch bản A2, 2,1°C với B2 và 1,5°C với B1.

XU THẾ TĂNG CỦA NHIỆT ĐỘ Ở TRẠM HÀ GIANG



Chú thích	
A2	—————
B2	- - - - -
B1	

XU THẾ NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM TRẠM HÀ GIANG



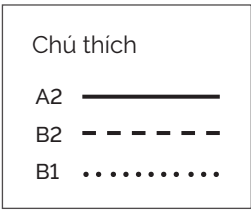
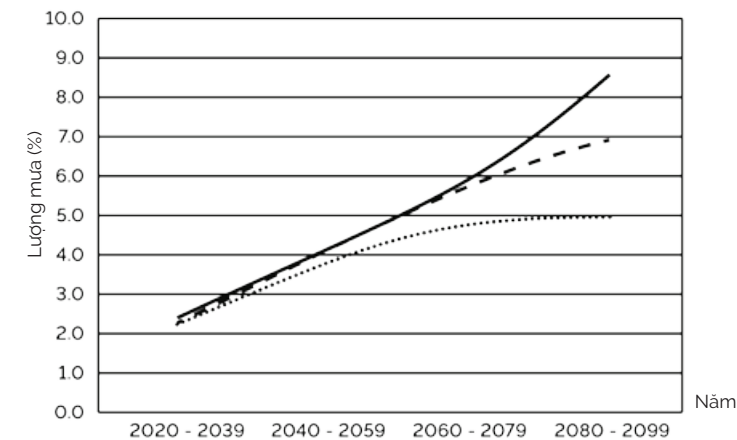
Kịch bản	Giai đoạn	Hà Giang
A2	2030 - 2039	0,8
	2040 - 2059	1,2
	2060 - 2079	1,8
	2080 - 2099	2,5
B2	2030 - 2039	0,7
	2040 - 2059	1,2
	2060 - 2079	1,7
	2080 - 2099	2,1
B1	2030 - 2039	0,7
	2040 - 2059	1,1
	2060 - 2079	1,4
	2080 - 2099	1,5

Nguồn: Nguyễn Hoàng Minh, 2013

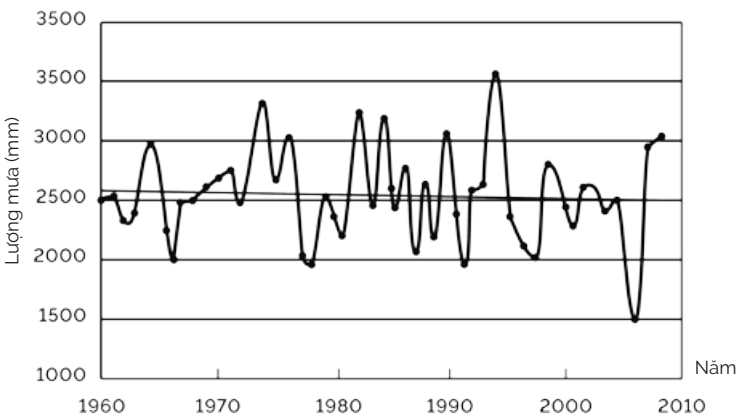
b. Thay đổi về lượng mưa

Lượng mưa năm có xu hướng tăng lên ở cả 3 kịch bản A2, B1, B2. Lượng mưa không tăng đều mà có xu hướng tăng mạnh vào mùa mưa và giảm vào mùa khô.

XU THẾ THAY ĐỔI LƯỢNG MƯA Ở TRẠM HÀ GIANG



XU THẾ THAY ĐỔI LƯỢNG MƯA NĂM TRẠM HÀ GIANG



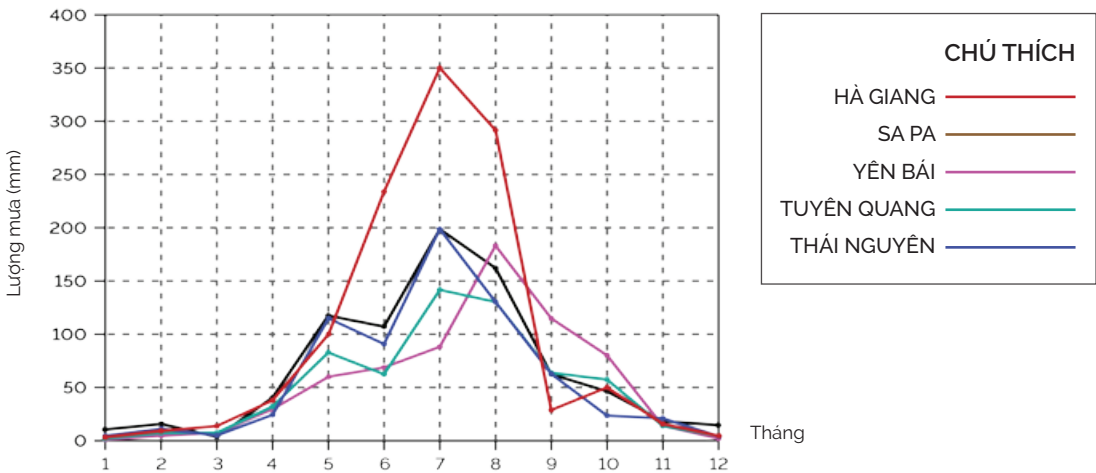
Kịch bản	Giai đoạn	Hà Giang
A2	2030 - 2039	2,5
	2040 - 2059	4,0
	2060 - 2079	6,0
	2080 - 2099	8,6
B2	2030 - 2039	2,3
	2040 - 2059	4,0
	2060 - 2079	5,8
	2080 - 2099	7,2
B1	2030 - 2039	2,2
	2040 - 2059	3,8
	2060 - 2079	4,8
	2080 - 2099	5,1

Nguồn: Nguyễn Hoàng Minh, 2013

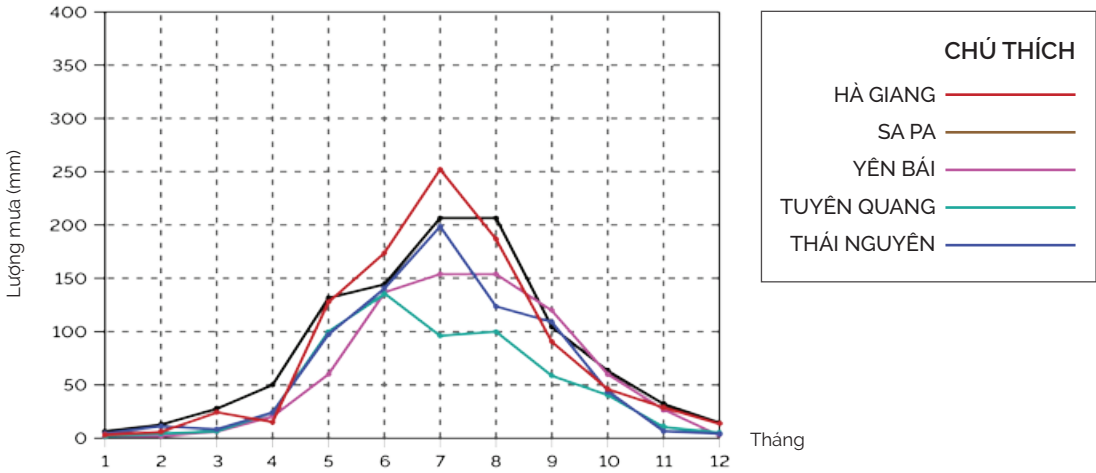
c. Sự thay đổi của mưa lớn

Xu thế mưa lớn chủ yếu là tăng cả về lượng và diện.

LƯỢNG MƯA LỚN TRUNG BÌNH THÁNG, 1979 - 1998

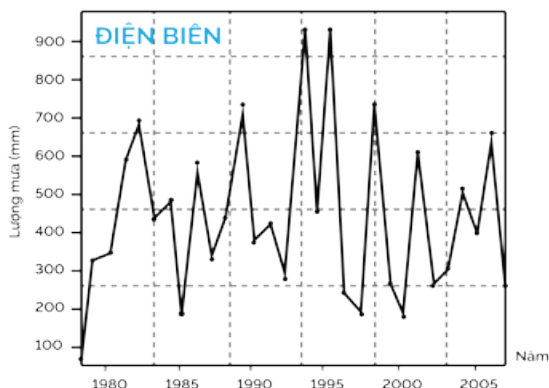


LƯỢNG MƯA LỚN TRUNG BÌNH THÁNG, 1999-2008

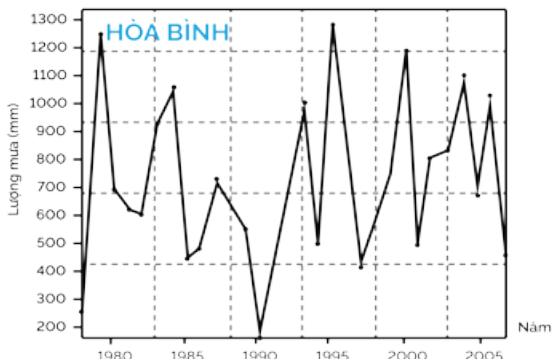


Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động của BĐKH đến các mối hiểm họa liên quan và chương trình quản lý hậu quả rủi ro thiên tai ở Việt Nam, Cục Quản lý Đề điều và Phòng chống lụt bão, 2010

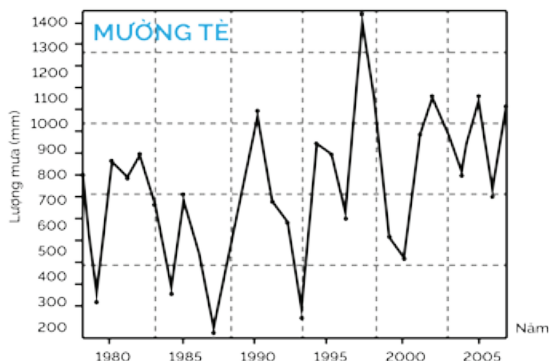
XU THẾ BIẾN ĐỘNG LƯỢNG MƯA LỚN
(THÁNG 1 - THÁNG 12)



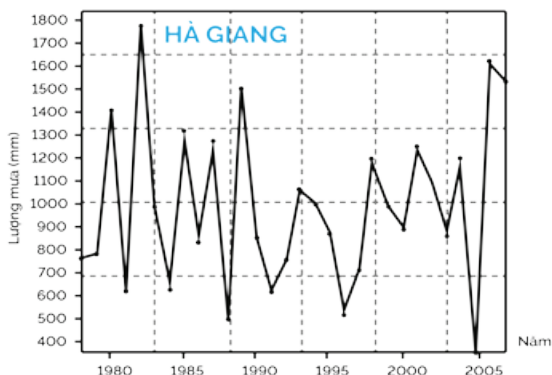
XU THẾ BIẾN ĐỘNG LƯỢNG MƯA LỚN
(THÁNG 1 - THÁNG 12)



XU THẾ BIẾN ĐỘNG LƯỢNG MƯA LỚN
(THÁNG 1 - THÁNG 12)



XU THẾ BIẾN ĐỘNG LƯỢNG MƯA LỚN
(THÁNG 1 - THÁNG 12)



Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động của BĐKH đến các mối hiểm họa liên quan và chương trình quản lý hậu quả rủi ro thiên tai ở Việt Nam, Cục Quản lý Đề điều và Phòng chống lụt bão, 2010

2.2.3. Dự báo xu hướng tác động của BĐKH

Lũ lụt có xu hướng gia tăng do sự gia tăng về lượng mưa, đặc biệt là mưa lớn. Sự kết hợp của lũ lụt và các nguyên nhân phi tự nhiên (nạn phá rừng, sử dụng đất không hợp lý, con người xây dựng các công trình trên sông,...) làm gia tăng cường độ và mức độ thiệt hại.

Quy mô lũ quét nhỏ nhưng thường gây thiệt hại lớn do các khu dân cư nằm ở khu vực dễ bị ảnh hưởng.

Nguy cơ gia tăng lũ lụt ở hạ du do mất an toàn hồ chứa. Tỉnh Hà Giang có 44 thủy điện trong quy hoạch, trong đó có 24 thủy điện đã đi vào vận hành. Nhiều hồ chứa ở tỉnh Hà Giang là loại hồ chứa nhỏ được xây dựng trong điều kiện khảo sát thiết kế sơ sài, chưa được thiết kế để chịu tải lũ nhiều đỉnh, trong khi đó, những dạng mưa lớn phần nhiều do áp thấp nhiệt đới hoặc bão gây ra, đôi khi xảy ra liên tiếp, hồ chứa xả hết lượng lũ trận trước thì trận lũ sau lại xuất hiện

2.3. Xu hướng diễn biến đa dạng sinh học tỉnh Hà Giang

- Độ che phủ của rừng liên tục tăng, tuy nhiên diện tích rừng tự nhiên bị thu hẹp. Phần lớn rừng hiện nay thuộc nhóm rừng nghèo, rừng trồng.
- Hệ thống các KBT thiên nhiên được phát triển, tuy nhiên hệ sinh thái vẫn đang bị suy thoái.
- Hệ sinh thái cạn chủ yếu bao gồm hệ sinh thái rừng, nông nghiệp và đô thị, trong đó hệ sinh thái rừng xanh trên núi đá là chủ đạo.
- Hệ sinh thái sông, suối càng ngày càng bị chia cắt bởi sự phát triển của hệ thống đập thủy điện.
- Số lượng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tăng lên; nhiều loài đang ở mức báo động, đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng cao do nguyên nhân chính là khai thác quá mức và mất môi trường sống.
- Tài nguyên rừng nói chung, chất lượng rừng và diện tích rừng nói riêng có xu hướng biến đổi theo chiều hướng xấu. Do đó, quá trình rửa trôi, xói mòn đất diễn ra với mức độ và quy mô ngày càng lớn hơn; đất bị mất mùn và thoái hóa rất dễ xảy ra nhanh và mạnh.

Hộp 2: Đa dạng sinh học ở Hà Giang

- Tổng diện tích rừng của tỉnh Hà Giang năm 2015 là đất rừng phòng hộ: 196.481,09 ha (30,82%), đất rừng đặc dụng: 44.457,28 ha (6,97%), đất rừng sản xuất: 195.826,69 ha (30,72%), với độ che phủ đạt 54,4%.
- Hà Giang có 6 KBT gồm 5 khu dự trữ thiên nhiên và 1 KBT loài, sinh cảnh với tổng diện tích là 50.789,91 ha. Ngoài ra, ở tỉnh còn có 7 khu tiềm năng đề xuất thành KBT mới với diện tích là 54.865,83 ha. Các khu tiềm năng này có hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, có tính đa dạng sinh học cao.
- Các KBT được phân bố trên nhiều khu vực đặc thù của tỉnh Hà Giang, đại diện cho các kiểu khí hậu, đất đai khác nhau như: nhiệt đới, á nhiệt đới, vùng núi cao, vùng trung du và miền núi, do đó đã bảo vệ được nhiều hệ sinh thái điển hình và các loài động vật, thực vật quý, hiếm.



Nguồn: Internet

LỒNG GHÉP CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀO ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH HÀ GIANG ĐẾN NĂM 2020



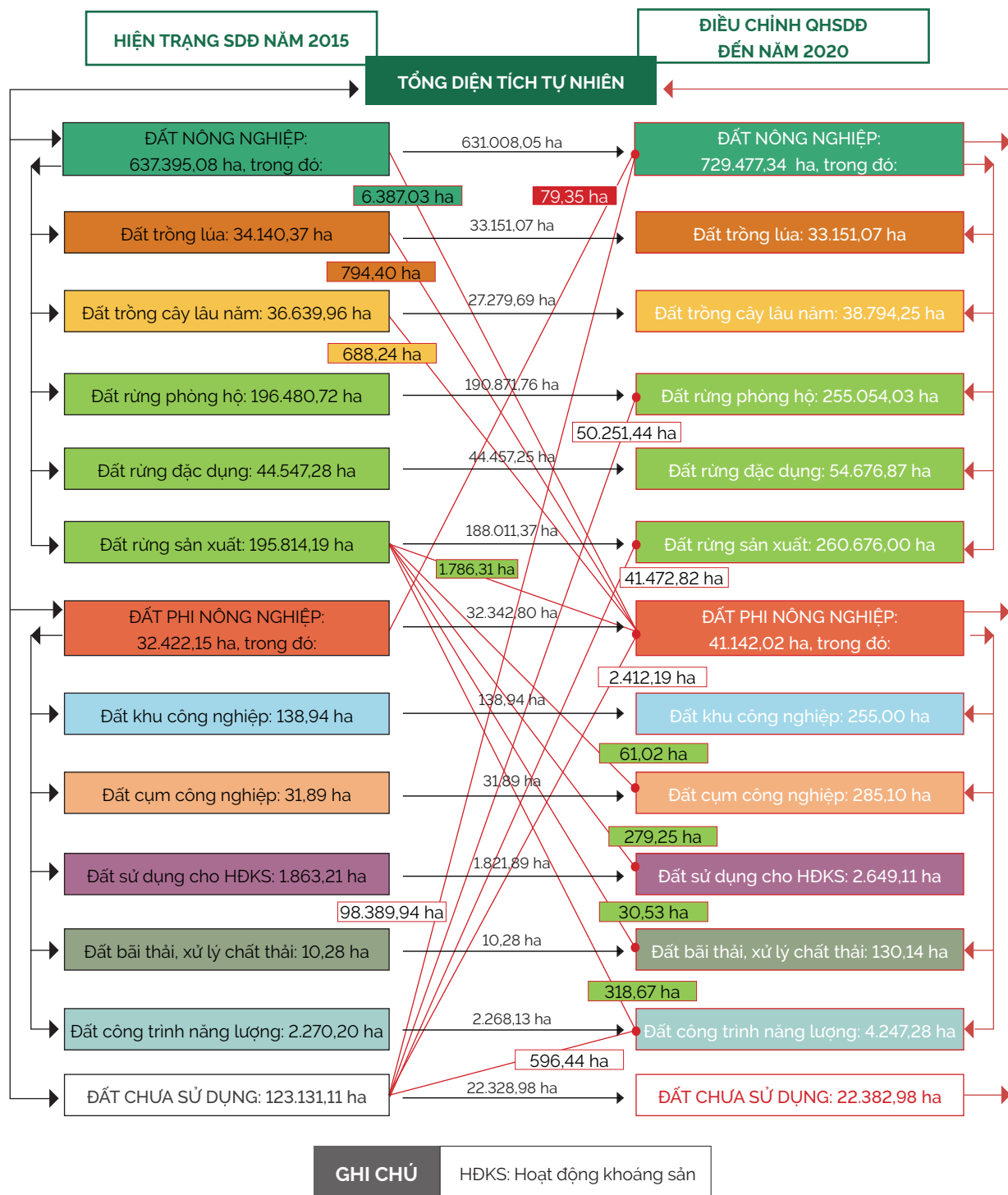
Nguồn: ISPONRE

3.1. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang đến năm 2020

Hà Giang là một tỉnh miền núi có địa hình phức tạp, phần lớn diện tích đất đai là đồi núi, đất cho sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp và cho xây dựng cơ sở hạ tầng hạn chế, do đó việc sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả quỹ đất đai của tỉnh được xem là ưu tiên hàng đầu trong xây dựng QHSDĐ tỉnh Hà Giang nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo tồn ĐDSH và phát triển bền vững.

Phương án điều chỉnh quy hoạch một số loại đất chính của tỉnh Hà Giang được thể hiện trong sơ đồ dưới đây.

Hình 1: Sơ đồ chuyển dịch đất đai tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020



3.2. Xu hướng của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện QHSDD điều chỉnh

Về bản chất, việc thực hiện QHSDD sẽ tác động lên môi trường thông qua việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, cụ thể:

- Biến động diện tích đất: đất rừng, đất sản xuất nông nghiệp; tăng diện tích đất phi nông nghiệp.
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất: chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng tự nhiên sang các loại đất khác (đất trồng lúa sang đất khu công nghiệp, đô thị; đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản; đất rừng phòng hộ sang rừng sản xuất).
- Phân bố không gian các loại hình sử dụng đất: bố trí đất công nghiệp, đô thị ở khu vực đầu nguồn nước, các lưu vực sông; vùng nhạy cảm môi trường; xây dựng đường giao thông qua đất lâm nghiệp.

Hộp 3: Tác động QHSDD đến ĐDSH và dịch vụ hệ sinh thái

1. Tác động của chuyển đổi đất, thay đổi diện tích đất đến rừng và KBT

- Tăng diện tích rừng phòng hộ là tăng khả năng phòng hộ đầu nguồn, hạn chế thiên tai, giảm thiểu khí phát thải, ứng phó với BĐKH, góp phần bảo tồn ĐDSH. Tăng khả năng bảo vệ nguồn nước ở các vùng đầu nguồn các lưu vực sông lớn như sông Lô, Chảy, Gâm, Miện, Bạc, Sào và khu vực hành lang biên giới.
- Làm tăng tài nguyên nước trên các lưu vực sông bao gồm cả tài nguyên nước mặt và nước ngầm, gián tiếp dẫn tới các ảnh hưởng tích cực trong việc làm tăng khả năng điều tiết của các hệ thống hồ chứa thủy lợi và thủy điện.

2. Tác động từ chuyển đổi đất, thay đổi diện tích đất cho phát triển khu công nghiệp

- Phá vỡ hệ sinh thái nông nghiệp và hệ sinh thái rừng trồng;
- Làm mất khu vực sống của các loài động vật, thực vật;
- Thay đổi sinh cảnh tự nhiên, thay đổi khả năng điều tiết nước;
- Giảm sự tái tạo tài nguyên;
- Làm suy giảm thêm các loài nguy cấp;
- Gia tăng ô nhiễm môi trường sống. Đối với vùng miền núi đầu nguồn các lưu vực sông, hoạt động của các khu công nghiệp có thể dẫn đến những hậu quả lớn về ô nhiễm tài nguyên nước mặt và nước ngầm, lan truyền ô nhiễm theo các dòng chảy.

3. Tác động từ chuyển đổi đất, thay đổi diện tích đất cho phát triển thủy điện

- Giảm đa dạng loài, làm mất các loài nguy cấp tại các khu vực nằm trong vùng ảnh hưởng của các dự án thủy điện;
- Có khả năng cản trở sự phát triển các hệ sinh thái ở hạ nguồn và làm mất cân bằng thủy văn khu vực;
- Thay đổi sinh cảnh tự nhiên;
- Thay đổi dòng chảy;
- Giảm sự tái tạo tài nguyên;
- Ảnh hưởng bất lợi đến tính toàn vẹn của các hệ sinh thái tự nhiên và các hệ xã hội nhân văn.

3.3. Đề xuất, khuyến nghị điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Giang

3.3.1 Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ứng phó với suy thoái đất

- **Các khu vực thoái hóa nặng:** các cây có giá trị kinh tế khó có thể phát triển được ở những nơi đất đã bị thoái hóa nghiêm trọng. Do đó, cần tiến hành khoanh nuôi tái sinh tự phục hồi, tạo ra môi trường thuận lợi, sau đó mới tiến hành trồng trọt.
- **Các khu vực thoái hóa trung bình:** cây trồng có giá trị kinh tế có thể phát triển được. Do đó, tại đây tiến hành khai thác kết hợp cải tạo đất thử nghiệm, trồng các cây có giá trị kinh tế thích hợp với điều kiện sinh thái để có thể tạo ra các sản phẩm góp phần cải thiện đời sống của đồng bào. Đồng thời phải tiến hành các biện pháp bảo vệ môi trường, chống xói mòn, rửa trôi đất, theo đó phát triển các mô hình theo hướng kinh tế sinh thái.
- **Đối với những diện tích đất bị khô hạn:** cần phải quy hoạch phát triển các công trình hồ chứa nước thuận lợi cho việc tưới tiêu nhằm cải tạo, phục hồi đất.

Hộp 4: Biện pháp khuyến nghị giảm thiểu tác động thoái hóa đất cho khu vực núi đất phía Tây tỉnh Hà Giang

- Thực hiện dịch chuyển mùa vụ kết hợp với thay đổi giống cây trồng để tránh khô hạn.
- Xây dựng, cải tạo các công trình trữ nước để phục vụ tưới chống hạn vào mùa khô: Các hồ quy mô trung bình được đào ở nhiều nơi, có lót chống thấm để thu nước chảy theo các sườn dốc.
- Tại các huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quang Bình có một số điểm thường xảy ra trượt lở, tạo nên dòng chảy ứ đọng lòng dẫn là nguyên nhân của lũ quét (khu vực Đản Ván, Bản Díu, Bản Páo, Hồ Thầu, Bản Phùng, Bản Luốc, Phố Lồ...): Cần có biện pháp công trình trên đất dốc nhằm hạn chế xói mòn. Chức năng chủ yếu của công trình là dẫn dòng, ngăn dòng chảy chậm lại, lưu chứa tạm thời hay bố trí dòng chảy an toàn để hạn chế mức độ xói mòn với khả năng thấp nhất.
- Kiểm tra, quản lý việc khai thác và chế biến khoáng sản trên địa bàn các huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần. Quy định phương thức khai thác vật liệu ven sông, trong lòng dẫn, các điểm dân cư, dỡ bỏ vùng lấn chiếm lòng dẫn, bãi sông cản dòng chảy...
- Cần có biện pháp rà soát kiểm tra các khu vực thường xuyên có lũ quét, sạt lở bờ sông lập các biển báo khuyến cáo người dân nên trồng, canh tác các giống cây lương thực ngắn ngày trên các khu đất đó.
- Quy hoạch lại phân bố khu vực trồng cây lúa, cây ngô... trong điều kiện mới.

3.3.2. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất ứng phó với biến đổi khí hậu

- **Rà soát việc bố trí đất đai tại các khu vực có nguy cơ trượt lở, lũ quét,** đặc biệt là các dạng sử dụng đất như hạ tầng giao thông, dân cư, khu công nghiệp. Đối với các công trình xây dựng, giao thông, cần hạn chế thực hiện ở các khu vực có độ dốc cao, hạn chế việc san gạt làm cắt vào chân dốc và sườn ta luy. Với 57 điểm trượt lở nguy hiểm, cần có cảnh báo ngoài thực địa, không bố trí sử dụng đất vào các mục đích dân sinh, xem xét trồng cây mang tính chất phòng hộ.
- **Làm rõ việc tăng, giảm diện tích quy hoạch các loại đất gắn với nguyên nhân BĐKH** như: tăng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và giảm diện tích lúa. Việc tăng diện tích rừng phòng hộ (đến 2020 tăng thêm 58.500 ha) là phù hợp với xu hướng phòng hộ các lưu vực, bảo vệ đất và nước.

- **Thích nghi với thay đổi về lượng mưa, nhiệt độ trong tương lai:** Tại những vùng khô hạn, xem xét việc chuyển cơ cấu cây trồng đối với các diện tích chuyên canh lúa hoặc các loài cây cần nhiều nước sang các loài cây có khả năng chịu hạn, cây lưu niên có giá trị cao. Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp để tạo ra sự kết nối giữa các sinh cảnh nông nghiệp và sinh cảnh rừng, vừa hỗ trợ bảo vệ ĐDSH vừa tăng khả năng bảo vệ đất và nước của hệ sinh thái nông nghiệp, ví dụ kết hợp trồng xen các cây thảo dược, cây đặc sản dưới tán rừng.
- **Tăng cường an toàn cho hệ thống thủy lợi, đê đập, hồ chứa:** tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các hồ chứa nước, các công trình thủy lợi đầu mối, kiên cố hóa hệ thống kênh mương. Bố trí thêm 389 ha cho mục đích thủy lợi.

3.3.3. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để bảo tồn ĐDSH và dịch vụ hệ sinh thái

- Phát triển rừng phòng hộ nhằm đảm bảo tối đa các yêu cầu về phòng hộ đầu nguồn và góp phần bảo tồn ĐDSH. Trong sơ đồ điều chỉnh các loại đất thì đất rừng phòng hộ tăng chủ yếu từ đất chưa sử dụng nên cần chú ý tới chất lượng của rừng phòng hộ và các vị trí qui hoạch.
- Nên có phương án giữ rừng đảm bảo độ che phủ, điều tiết không khí và nhiệt độ thích ứng với BĐKH. Cần có qui hoạch chi tiết để xác định khu rừng chuyển đổi này có giá trị ĐDSH thấp.
- Điều chỉnh quy hoạch để những con đường lớn không đi qua những KBT thiên nhiên; hạn chế qua các khu rừng phòng hộ (trừ khi không có giải pháp nào khác có tính khả thi, kỹ thuật và chi phí-hiệu quả), đặc biệt các tuyến đường tuần tra biên giới đi qua các huyện có các KBT thiên nhiên và các khu rừng phòng hộ như Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Hoàng Xu Phì, Xí Mần.
- Cân đối nhu cầu lương thực thực tế, giá lương thực xuất khẩu và vấn đề an ninh lương thực của tỉnh đến năm 2020 và xa hơn để giữ diện tích đất có độ phì cao cho trồng lúa. Khoanh định, cắm mốc các vùng đất lúa có chất lượng để duy trì ổn định quỹ đất lúa và các loại đất cây hàng năm khác liên quan tới ĐDSH và dịch vụ hệ sinh thái nông nghiệp.
- Giai đoạn 2016-2020 cần xác định diện tích mở rộng công nghiệp hợp lý, giảm diện tích các khu công nghiệp lấy vào các loại đất tốt, hoặc chỉ lấy từ các loại đất có chất lượng trung bình hoặc đất xấu. Cần chống chấp bản đồ qui hoạch SDĐ và bản đồ chất lượng đất để có được vị trí tốt cho khu công nghiệp mà không ảnh hưởng tới các dịch vụ hệ sinh thái.
- Bảo vệ đất lâm nghiệp, nhất là rừng đầu nguồn phòng hộ, hạn chế việc chuyển đất rừng phòng hộ sang các loại đất khác, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng tới việc điều tiết nguồn nước mặt, nước ngầm và ảnh hưởng tới xói mòn bề mặt, ĐDSH và các dịch vụ hệ sinh thái.
- Hạn chế và từng bước loại bỏ việc trồng cây hàng năm trên các vùng đất dốc, nhất là đất có độ dốc trên 25°. Chuyển đổi đất trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm và trồng rừng trên các vùng có độ dốc cao, đặc biệt với 04 huyện núi đá có độ dốc cao như Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh.
- Ở những khu vực dự báo xói lở mạnh, cần quy hoạch đất để duy trì và phát triển các hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ điều tiết và cung ứng để thích ứng và bảo vệ nguồn nước, đất, ĐDSH và các hoạt động kinh tế tại chỗ.
- Yêu cầu “bồi hoàn” diện tích rừng bị mất do các công trình lấy nhiều đất rừng như thủy điện, khu công nghiệp bằng cách trồng rừng thay thế ở khu vực khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. *Cục Quản lý Đề điều và Phòng chống lụt bão (2010)*, Báo cáo đánh giá tác động của BĐKH đến các mối hiểm họa liên quan và chương trình quản lý hậu quả rủi ro thiên tai ở Việt Nam.
2. *Lê Quốc Hùng (2014)*, Đề án Điều tra, đánh giá, phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá các vùng miền núi Việt Nam.
3. *Nguyễn Hoàng Minh (2013)*, Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước lưu vực sông Lô, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Khoa học Tự nhiên.
4. *GS.TS. Tống Đức Khang, PGS.TS. Nguyễn Đức Quý*, Bảo vệ đất chống xói mòn đất vùng đồi núi, Nhà xuất bản Hà Nội.
5. *PGS.TS. Đào Châu Thu*, Suy thoái đất và phục hồi đất bị suy thoái, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp bền vững, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
6. *GS.TSKH. Đỗ Đình Sâm, PGS.TS. Ngô Đình Quế, TS. Nguyễn Tử Siêm*, Cẩm nang ngành lâm nghiệp, Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7. *Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang (2015)*, Báo cáo tổng hợp thoái hóa đất tỉnh Hà Giang, vùng trung du miền núi phía bắc.
8. *Tổng cục Quản lý đất đai (2014)*, Báo cáo dự án "Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng đến sự biến động diện tích và cơ cấu sử dụng đất trên toàn lãnh thổ Việt Nam (giai đoạn I)".
9. *Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (2009)*, Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2011-2020.
10. *Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (2014)*, Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2016-2020.
11. *Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (2016)*, Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam.

Tiếng Anh

Auro C. Almeida, Viet Anh Hoang, Christopher Beadle, P. M. S. (2014), Modelling Acacia mangium production in Viet Nam under current and future climates, In Sustaining the Future of Acacia Plantation Forestry, Thua Thien Hue.

Trích dẫn

Rio (2015 – 2018). "Tóm tắt chính sách".
Dự án Tăng cường năng lực thực hiện các Công ước Rio, ISPONRE, MONRE

Bản quyền

ISPONRE, MONRE, UNDP

Nguồn

DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC THỰC HIỆN CÁC CÔNG ƯỚC RIO (DỰ ÁN RIO)



Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường
Số 479, Đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +8424 3793 1627; Fax: +8424 3793 1730
Email: duanrio@isponre.gov.vn



Empowered lives.
Resilient nations.

Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP)
Số 304, Phố Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +8424 3850 0100 - Fax: +8424 37265520
Website: <http://www.vn.undp.org>

Tài liệu này thể hiện quan điểm cá nhân của tác giả và không nhất thiết phải đại diện cho Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường (ISPONRE), Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) hoặc các tổ chức trực thuộc.